

**Bản án số: 05/2018/HS-ST
Ngày 22/01/2018**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ, TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh

Các hội thẩm nhân dân: Ông: Nguyễn Văn Hạ và Bà: Lê Thị Thanh Thủy

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Phụng – Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa:
Ông Mai Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 210/2017/TLST-HS ngày 13 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST-HS ngày 05/01/2018, đối với bị cáo:

Họ và tên: Vũ Đình T; Tên gọi khác: T1; Sinh ngày: xx/xx/xxxx, tại G, Hải Dương; Nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương; Chỗ ở: Tổ BM, khu SA, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Công nhân Công ty TNHH 1TV than D; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vũ Đình T và bà: Vũ Thị B; Vợ: Nguyễn Thị N và 02 con: con lớn sinh năm xxxx, con nhỏ sinh năm xxxx; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt khẩn cấp ngày 19/11/2017, tạm giam đến ngày 24/11/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” – Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Chị Đỗ Thị N; Sinh năm xxxx; ĐKKHKT tại: Tổ H, khu H, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh – Có đơn xin xử án vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Đình T có quan hệ bạn bè với các chị Đỗ Thị N, Đỗ Thị N1 (là hai chị em ruột, cùng trú tại tổ H, khu H, phường C, thành phố C), khoảng 06 giờ 20 phút ngày 17/11/2017 T một mình đi bộ đến nhà chị N1 rồi bảo chị N1 dẫn sang nhà chị N chơi, chị N không có nhà nên chị N1 đã bảo T vào nhà chị N ngồi đợi và xem tivi rồi chị N1 đi về. Tại nhà chị N, T nhìn thấy trong bếp có dựng 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Click biển kiểm soát 14U1-xxx.xx. Lợi dụng chị N không có nhà, T đã lấy chìa khóa xe mô tô, 01 mũ bảo hiểm rồi mở chiếc túi chị N treo trên mắc áo lấy 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe ô tô (đều mang tên chị N). Sau đó T dắt xe ra cổng, mở khóa điện

rồi điều khiển xe đi đến gặp anh Nguyễn Văn H ở tổ N, khu Đ, phường C, thành phố C để cầm cố với giá 10 triệu đồng nhưng do anh H nhận ra chiếc xe mô tô này là của chị N nên không đồng ý cầm cố cho T. Sau đó T đã điều khiển xe đến trạm xá Công ty TNHH MTV than D để gửi. Chị N được anh H thông báo về việc T mang xe đi cầm cố nên biết là mất xe và đi trình báo công an. Đến khoảng 13 giờ ngày 19/11/2017, T đến trạm xá Công ty TNHH MTV than D lấy xe điều khiển đến quán nước ở tổ B, khu B, phường C ngồi chơi thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố C bắt giữ và thu vật chứng gồm: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Click biển kiểm soát 14U1-xxx.xx, 01 mũ bảo hiểm, 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe ô tô (đều mang tên chị N).

Tại bản Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố C số 129/KL-HĐĐGTS ngày 22/11/2017, kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Click biển kiểm soát 14U1-xxx.xx có giá là 9.000.000 đồng; 01 chiếc mũ bảo hiểm có giá là 50.000 đồng.

Chị Đỗ Thị N đã được Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại các tài sản trên cùng toàn bộ giấy tờ liên quan.

Tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa bị cáo Vũ Đình T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, bị cáo thừa nhận do hoàn cảnh gia đình khó khăn, thiếu tiền chi tiêu sinh hoạt nên đã đi vào con đường phạm tội, lợi dụng chị N không có nhà đã trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Click biển kiểm soát 14U1-xxx.xx trị giá là 9.000.000 đồng; 01 chiếc mũ bảo hiểm trị giá là 50.000 đồng cùng 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe ô tô của chị N, tổng trị giá tài sản trộm cắp là 9.050.000 đồng. Viện kiểm sát nhân dân thành phố C truy tố đối với bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội, không oan.

Chị Đỗ Thị N – là người bị hại trong vụ án tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai tại hồ sơ vụ án thể hiện: Khoảng 7 giờ 45 phút ngày 17/11/2017 chị nhận được thông báo có người nhận là em trai của chị mang chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Click biển kiểm soát 14U1-xxx.xx của chị đi cầm cố, chị kiểm tra lại thông tin và biết là bị mất xe mô tô nên đã đến Công an phường C để trình báo. Chị biết T là người lấy trộm xe của chị nên đã gọi điện thoại cho T để đòi nhưng sau đó T nhắn tin lại cho chị với nội dung chưa trả được xe. Chiếc xe này chị mua từ năm 2011 với giá 32 triệu đồng, ngoài ra chị còn bị mất 01 mũ bảo hiểm và các giấy tờ liên quan đến xe mô tô. Sau khi T bị phát hiện bắt giữ, cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ và trả lại xe, mũ bảo hiểm cùng toàn bộ giấy tờ xe cho chị. Tại đơn đề nghị và đơn xin xử án vắng mặt tại phiên tòa đều thể hiện nội dung chị được bị cáo tự nguyện bồi thường số tiền 2.500.000 đồng, chị không có yêu cầu bồi thường gì khác và đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người làm chứng là chị Đỗ Thị N1, anh Đỗ Bá M, anh Nguyễn Văn H, chị Tô Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có lời khai tại hồ sơ thể hiện: Vào khoảng 06 giờ 20 phút ngày 17/11/2017, T đi bộ đến nhà chị N ngồi chơi và lấy trộm chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Click biển kiểm soát 14U1-xxx.xx của chị Đỗ Thị N mang đi cầm cố tại hiệu cầm đồ của anh Nguyễn Văn H nhưng anh bị anh H từ chối cầm cố.

Bản cáo trạng số 03/KSĐT-HS ngày 11/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C truy tố bị cáo Vũ Đình T về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Vũ Đình T về tội “Trộm cắp tài sản”. Do có sự thay đổi chính sách pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017; Xử phạt: Vũ Đình T từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 (mười tám) đến 24 (hai tư) tháng, kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường C, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh giám sát bị cáo trong thời gian thử thách. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Tại phần tranh luận, bị cáo không tranh luận với lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát, bị cáo thấy ân hận với hành vi phạm tội của mình, hiện nay hoàn cảnh gia đình hết sức khó khăn bị cáo là lao động chính trong gia đình, phải nuôi bố mẹ già yếu và 02 con còn nhỏ, vợ làm ruộng không có thu nhập ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng mức án treo để có điều kiện giúp đỡ gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được qui định trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003; Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Vũ Đình T không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với người bị hại và những người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy quá trình điều tra đã có đầy đủ lời khai, ý kiến của người bị hại và người làm chứng, nên việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ vào điều 292, 293 Bộ Luật TTHS năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người bị hại, người làm chứng và chủ tọa phiên tòa công bố lời khai của chị N và những người làm chứng trong quá trình điều tra.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa Vũ Đình T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với nội dung bản cáo trạng, phù hợp với Biên bản về việc bắt người lập hồi 16 giờ 45 phút ngày 19/11/2017; Biên bản tuần tra kiểm soát lập hồi 12 giờ 45 phút ngày 19/11/2017; Biên bản thu giữ vật chứng lập hồi 13 giờ 15 phút ngày 19/11/2017; Bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 129/KL-HĐĐGTS ngày 22/11/2017; Bản ảnh khám nghiệm hiện trường; Biên bản xác định địa điểm; Bản ảnh vật chứng. Ngoài ra lời khai của bị cáo còn phù hợp với lời khai của người bị hại và những người làm chứng, cùng với các tài liệu điều tra khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 6 giờ 20 phút ngày 17/11/2017, tại tổ H, khu H, phường C, thành phố C bị cáo Vũ Đình T lợi dụng lúc người bị hại là chị Đỗ Thị N vắng mặt tại nhà đã có hành vi lén lút trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Click biển

kiểm soát 14U1-xxx.xx, 01 chiếc mũ bảo hiểm tổng giá trị tài sản là 9.050.000 đồng cùng các giấy tờ (chứng minh nhân dân, giấy bảo hiểm xe, đăng ký xe của chị N) nhằm mục đích mang đi cầm cố lấy tiền ăn tiêu.

Hành vi phạm tội của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C truy tố đối với bị cáo Vũ Đình T. Tại Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định: “1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm:

....

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:.....”

Đối chiếu với quy định tại khoản 4 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 thì đối với tội trộm cắp tài sản thuộc trường hợp quy định hình phạt nhẹ hơn, theo quy định tại Khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 và hướng dẫn tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 nên chấp nhận lời luận tội của Kiểm sát viên đối với bị cáo.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác đã được pháp luật bảo vệ, mà còn xâm phạm đến trật tự công cộng, gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản, gây bất bình trong xã hội. Bị cáo ý thức được tài sản của người khác là bất khả xâm phạm nhưng do thiếu rèn luyện, lười lao động nên đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhằm mục đích cầm cố lấy tiền ăn tiêu, vì vậy hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý nghiêm để cải tạo giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thấy rằng: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải với hành vi phạm tội của mình, bị cáo còn tự nguyện bồi thường cho người bị hại số tiền 2.500.000 đồng nhằm khắc phục hậu quả do bị cáo gây ra, người bị hại đã có đơn đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra bị cáo còn có hoàn cảnh gia đình khó khăn (Có đơn xin xác nhận được chính quyền địa phương xác nhận). Đây là những tình tiết để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 để bị cáo thấy được tính nhân đạo của pháp luật.

[6] Xét bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt tù nhưng áp dụng điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 cho bị cáo được hưởng án treo, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục, cũng đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[7] Hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Đỗ Thị N đã được nhận mô tô nhãn hiệu Honda Click biển kiểm soát 14U1-xxx.xx và 01 chiếc mũ bảo hiểm cùng

toàn bộ giấy tờ, đồng thời bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho chị N số tiền 2.500.000 đồng, người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Vật chứng vụ án: Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Click biển kiểm soát 14U1-xxx.xx và 01 chiếc mũ bảo hiểm cùng toàn bộ giấy tờ đã được Cơ quan CSĐT Công an thành phố C trả lại cho người bị hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Đình T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1, 2 Điều 65; Khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Vũ Đình T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Buộc bị cáo Vũ Đình T phải nộp: 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm cả mặt: bị cáo, vắng mặt người bị hại. Báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh QN;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh QN;
- Viện kiểm sát nhân dân TPC
- Công an TP C, CQ THA hình sự;
- Trại tạm giam Công an tỉnh QN;
- Chi cục thi hành án dân sự TP.C;
- Bị cáo, Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ, lưu văn phòng.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Quỳnh

